

KINH 1202. THI-LA<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thi-la<sup>2</sup> ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày.

Khi ấy Ma Ba-tuần tự nghĩ: “Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp cô độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni Thi-la, ở tại tinh xá với chúng Tỳ-kheo-ni, trong vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y, ôm bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Ăn xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào rừng An-đà, ngồi dưới một bóng cây, nhập chánh thọ ban ngày. Nay ta nên đến đó gây chướng nạn.” Liền biến thành thiếu niên, dung mạo đoan chánh, đến trước Tỳ-kheo-ni Thi-la nói kệ:

*Chúng sanh sanh làm sao?  
Ai là người tạo nó?  
Chúng sanh khởi chỗ nào?  
Và rồi đi về đâu?*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Thi-la tự nghĩ: “Đó là người nào mà muốn khủng bố ta? Là người hay không phải người? Là người gian xảo?” Nghĩ vậy rồi, biết rõ đó là ác ma muốn gây chướng nạn, liền nói kệ:

*Người bảo có chúng sanh,  
Đó là thấy của ma.  
Chỉ có uẩn trống rỗng,  
Không có ai chúng sanh.  
Nhiều thanh gỗ hợp lại,  
Đời gọi nó là xe;  
Các uẩn do duyên hợp,*

<sup>1</sup>. Pāli, S. 5. 10. Vajirā. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(218).

<sup>2</sup>. Thi-la Tỳ-kheo-ni 尸羅比丘尼. Pāli: Vajirā bhikkhunī.

*Tạm gọi là chúng sanh.  
Sanh này là khổ sanh,  
Trụ cũng là khổ trụ;  
Không pháp nào sanh khổ,  
Khổ sanh, khổ tự diệt.  
Xả tất cả ưu khổ,  
Xa lìa mọi tối tăm;  
Đối tịch diệt, đã chứng,  
Các lậu hết, an trụ.  
Đã biết người, ác ma,  
Hãy biến khỏi nơi này.*

Bấy giờ, Ma Ba-tuần tự nghĩ: ‘Tỳ-kheo-ni Thi-la đã biết rõ tâm ta.’ Nên ôm lòng lo lắng, liền biến mất.

M